

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2024/KDTM-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chử Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 153/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần H2 (M), địa chỉ: số E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội, địa chỉ liên hệ: tầng 10, tòa nhà TNR, số A - 192 đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1987; ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1992, ông Bùi Minh K 1982, cùng địa chỉ: tầng A, tòa nhà TNR, số A - 192 đường N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2024), ông P, ông K vắng mặt, ông C có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH N, địa chỉ: T đất số 973, tờ bản đồ số 7, tổ H, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 06/10/2022, Ngân hàng TMCP H2 (Ngân hàng H2) ký với Công ty TNHH N Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0610.VIVA/HĐTD/2022 với nội dung Ngân hàng H2 đồng ý cấp cho Công ty N hạn mức cho vay ngắn hạn số tiền 1.000.000.000 đồng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 06/10/2022 nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty N.

Thực hiện thỏa thuận tại Hợp đồng, trên cơ sở đề nghị của Công ty N, Ngân hàng H2 đã giải ngân cho Công ty N vay vốn cụ thể như sau:

- Khế ước 365899220221010158701 ngày 10/10/2022, số tiền giải ngân 995.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 10/10/2022 đến 10/4/2023, lãi suất: Trong hạn: 11.8%/năm, quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh - thanh toán nội địa.

- Khế ước 365899220230104189774 ngày 04/01/2023, số tiền giải ngân 165.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng từ ngày 04/01/2023 đến 04/7/2023, lãi suất: Trong hạn: 13.5%/năm, Quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh – thanh toán nội địa.

- Khế ước 365899220230209200341 ngày 09/02/2023, số tiền giải ngân 160.000.000 đồng, thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 09/02/2023 đến 09/8/2023; Lãi suất cho vay kỳ đầu tiên: áp dụng đối với khoản vay kể từ ngày giải ngân là: 15.53%/năm, Lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh định kỳ theo nguyên tắc: Bằng lãi suất cơ sở của Ngân hàng H2 + biên độ 5 %/năm; Kỳ điều chỉnh lãi suất: 6 tháng /lần, mục đích: Phục vụ sản xuất kinh doanh - Thanh toán nội địa.

Sau khi được Ngân hàng H2 giải ngân, Công ty N đã trả cho Ngân hàng H2 được số tiền nợ gốc 528.408.596 đồng, nợ lãi 32.895.880, cụ thể:

- Đối với Khế ước 36589922022101015870: Nợ gốc 500.908.596 đồng; nợ lãi: 31.441.394 đồng.

- Đối với K1 ước 365899220230104189774: Nợ gốc 27.500.000 đồng; nợ lãi 1.454.486 đồng.

- Đối với K1 ước 365899220230209200341: 0 đồng.

Mặc dù toàn bộ khoản vay đã hết thời hạn vay nhưng Công ty N đã không thực hiện trả nợ theo quy định của Hợp đồng. Tính đến ngày 20/6/2024, Công ty N còn nợ Ngân hàng H2 số tiền nợ gốc: 791.591.404 đồng, nợ lãi trong hạn: 30.076.015 đồng, nợ lãi quá hạn: 163.407.830 đồng, tổng: 985.075.250 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng H2 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên thụ lý, giải quyết buộc:

Công ty N phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng H2 tính đến ngày xét xử (20/6/2024) là 985.075.250 đồng, trong đó nợ gốc là 791.591.404 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.076.015 đồng; nợ lãi quá hạn là 163.407.830 đồng.

Kể từ ngày 21/6/2024, Công ty N còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng H2 số tiền nợ lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, K1 ước nhận nợ đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn Công ty TNHH N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty TNHH N phải trả số tiền còn nợ, xuất phát từ hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là vụ án kinh doanh thương mại: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty TNHH N, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 (hai) lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] [4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trình bày của người được ủy quyền của nguyên đơn xác định: Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ đã ký với A; giữa Ngân hàng TMCP A1 và Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu H1 tại thời điểm ký kết hợp đồng các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng cho vay và thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội,

có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự. Do vậy Hợp đồng cho vay nêu trên là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 385 của Bộ luật Dân sự.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Đ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giải ngân cho Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 tổng số tiền là 2.300.000.000 (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng theo giấy nhận nợ số 1237/22/TD/CN/143.1 ngày 04/07/2022 bằng phương thức chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số 1431011295087; Tên đối tượng thụ hưởng: NGUYỄN THỊ

TÌNH tại AI - CN Hải Phòng thể hiện tại giấy nhận nợ số 1237/22/TD/CN/143.1 ngày 04/07/2022

Đối với Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ đã ký với AI ông T, bà H mới thanh toán trả cho Ngân hàng được 81,734,601 (Tám mươi một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn sáu trăm linh một nghìn) đồng tiền lãi trong hạn. Sau đó ông T, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng AI đã chuyển nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay chưa thanh toán với Hợp đồng tín dụng của Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 H. Ngày 17/08/2023, AI đã bán toàn bộ khoản nợ của khách hàng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 cho Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) theo Hợp đồng mua, bán nợ số 494/2023/MBN.VAMC - AI ngày 17 tháng 08 năm 2023, theo Hợp đồng mua bán nợ này, AI đã chuyển quyền chủ nợ của khoản nợ nêu trên cho VAMC. Cùng ngày, Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) đã ký hợp đồng ủy quyền số 495/2023/UQ.VAMC- AI. Theo đó AI được thay mặt VAMC thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của VAMC đối với khoản nợ của khách hàng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 H. Do đó Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) có quyền yêu cầu buộc ông T, bà H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản dư nợ gốc và lãi theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ đã ký với AI tính đến ngày xét xử 29/05/2024.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền dư nợ cho Ngân hàng AI theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ đã ký với A; tính đến ngày xét xử 29/05/2024 với tổng số tiền là: 2.757.599.645đ (Hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi năm) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng; lãi trong hạn: 22.048.960đ (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi) đồng; lãi quá hạn: 435.550.685đ (Bốn trăm ba mươi năm triệu năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi năm) đồng.

[5]Xét hợp đồng mua bán nợ: Ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa Ngân hàng TMCP A1 (A2) và Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) đã ký hợp đồng mua bán nợ số 494/2023/MBN.VAMC - AI ngày 17/8/2023, nội dung hợp đồng xác nhận khoản nợ của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị

Thu H1 đã được bán cho Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V). Vì vậy khoản nợ của ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký

ngày 01/07/2022 đã được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) số 494/2023/MBN.VAMC - AI

Xét thấy về chủ thể mua bán nợ theo hợp đồng mua bán nợ số 494/2023/MBN.VAMC - AI giữa Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Ngân hàng TMCP A1 (AI) là hợp pháp và đúng quy định theo pháp luật, do đó Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) có quyền khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả toàn bộ khoản dư nợ gốc và lãi theo quy định tại Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ đã ký với AI là có căn cứ phù hợp với pháp luật

[6] về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị ông T, bà H phải thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi được tính trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên theo hợp đồng cho vay hạn mức cũng như thỏa thuận tại bảng biểu tính phí và lãi suất giữa hai bên để thu hồi nợ. Xét yêu cầu tính lãi của VMAC là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông T, bà H phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thỏa thuận đã được ký kết tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ.

Từ các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét, căn cứ các Điều 117, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, Điều 91, 94 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) buộc Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho VAMC số tiền dư nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1237/22/TD/CN/143 ký ngày 01/07/2022 và Giấy nhận nợ; tính đến ngày xét xử 29/5/2024 với tổng số tiền là: 2.757.599.645đ (Hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi năm) đồng. Trong đó: Nợ gốc: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu) đồng; lãi trong hạn: 22.048.960đ (Hai mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi) đồng; lãi quá hạn: 435.550.685đ (Bốn trăm ba mươi năm triệu năm trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi năm) đồng.

[7] về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để bảo đảm Hợp đồng cho vay hạn mức, Ngân hàng TMCP A1 (A2) và ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Thu H1 có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1237.1/22/TD/CN/143 đối với đất và tài sản gắn liền với đất là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn thửa đất số 777C, tờ bản đồ số 01, diện tích 216 m². Địa chỉ tại huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AE 050773 số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: 00402/H/2006 do UBND huyện T5, thành phố Hải Phòng, cấp

ngày 26/06/2006 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T3. Ngày 13/09/2021, người sử dụng đất thay đổi từ ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T3 thành ông Nguyễn Văn T. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng ngày 01/7/2022 tại Văn phòng Công chứng công chứng đất đai, số Công chứng: 13854/HĐTC/2022, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/07/2022 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp trên. Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên đương sự, Tòa án đã triệu tập ông T, bà H là chủ sử dụng hợp pháp tài sản thế chấp đến lần thứ 2 nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án đã tiến hành thực hiện quyết định xem xét thẩm định tại chỗ vắng mặt ông T4, bà H với hình thức xác định phía bên ngoài đối với tài sản thế chấp. Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp không có gì thay đổi so với thời điểm ký hợp đồng thế chấp giữa các bên.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 đã ký Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng A2, trong trường hợp ông T, bà H phát sinh nợ quá hạn không thanh toán được cho Ngân hàng. Nay Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm trên để thu hồi nợ. Căn cứ vào các Điều 292, 295, 298, 303, 307, 323 của Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

[8]Xét hợp đồng mua bán nợ số 494/2023/MBN.VAMC - AI ngày 17/8/2023 được ký kết giữa người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Ngân hàng TMCP A1, có đóng dấu xác nhận của Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam và Ngân hàng TMCP A1. Xét tại thời điểm các bên ký hợp đồng mua bán nợ với nhau, các bên đều có đủ năng lực hành vi dân sự, được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 401 của Bộ luật Dân sự

[9]về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị đơn Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH MTV Q của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 299, 318, 319, 320, 322, 323, 336, 338, 339 và 340 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H2 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH N.

- Buộc Công ty TNHH N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H2 khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0610.VIVA/HĐTD/2022 ngày 06/10/2022; Giấy nhận nợ 365899220221010158701 ngày 10/10/2022 kèm xác nhận giải ngân; Giấy nhận nợ 365899220230104189774 ngày 04/01/2023 kèm xác nhận giải ngân; Giấy nhận nợ 365899220230209200341 ngày 09/02/2023 kèm xác nhận giải ngân, tính đến ngày 20/6/2024 là 985.075.250 đồng (chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi) đồng, trong đó: nợ gốc: 791.591.404 (bảy trăm chín mươi một triệu năm trăm chín mươi một nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng, nợ lãi trong hạn: 30.076.015 (ba mươi triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm mười lăm) đồng, nợ lãi quá hạn: 163.407.830 (một trăm sáu mươi ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn tám trăm ba mươi) đồng.

- Buộc Công ty TNHH N phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0610.VIVA/HĐTD/2022 ngày 06/10/2022, kể từ ngày 21/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH N phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 41.552.258 (bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi hai nghìn hai trăm năm mươi tám) đồng. Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H2 tiền tạm ứng án phí 19.036.000 (mười chín triệu không trăm ba mươi sáu nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0001718 ngày 06/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chũ Cần